LỊCH LÀM VIỆC
ARBEITSZEITKALENDER

Ghi lại thời gian làm việc!
Schreibe Deine Arbeitszeiten auf!

Đảm bảo tiền lương của bạn!
Sichere Deinen Lohn!

Vietnamesisch

Arbeit und Leben
BERLIN-BRANDENBURG

BEMA
Berliner Beratungszentrum für Migration und Gute Arbeit

Lịch này của...
Dieser Kalender gehört...

Lịch này của (tên, họ)
Dieser Kalender gehört (Vorname, Nachname)

Tôi làm việc tại...
Ich arbeite bei...

Tôi làm việc từ...
Ich arbeite seit...

Mức lương của tôi:
Mein Gehalt:

Thỏa thuận miệng
Mündliche Absprachen

Hai bên thỏa thuận gì?
Was ist die Absprache?

Khi nào?
Wann?

Có nhân chứng không?
Gibt es Zeugen?

Version: Mai 2026

Sử dụng lịch này như thế nào?
Wie benutze ich diesen Kalender?

Bạn có thể ghi lại thời gian làm việc của mình trong cuốn lịch này. Điều này rất quan trọng: Có thể sau này bạn sẽ gặp vấn đề với sếp hoặc người giao việc cho bạn. Khi đó, bạn cần chứng minh giờ làm việc của mình.

In diesem Kalender kannst du deine Arbeitszeit aufschreiben. Das ist wichtig: Vielleicht gibt es ein Problem mit dem Chef oder Auftraggeber und du musst sagen, wann du gearbeitet hast.

Nếu tự kinh doanh, (Tức là: bạn có giấy phép kinh doanh) bạn phải tự viết hóa đơn, vì vậy bạn cũng nên ghi chép thời gian làm việc của mình một cách đầy đủ.

Bist du selbstständig? (Das heißt: Arbeitest du mit Gewerbeschein?) Dann musst du eine Rechnung für deine Arbeit stellen. Auch dafür solltest du deine Arbeitszeit aufschreiben.

Trong quyển lịch này còn có nhiều thông tin về quyền lợi lao động. Chúng tôi giải thích các luật quan trọng nhất để bảo vệ bạn.

In diesem Kalender findest du auch Informationen zu deinen Rechten auf der Arbeit. Wir erklären die wichtigsten Gesetze zu deinem Schutz.

Nếu có thắc mắc, bạn có thể đến trung tâm tư vấn. Ở mặt sau của quyển lịch này, bạn có thể tìm thấy địa chỉ liên hệ gần nơi bạn ở.

Bei Fragen oder Problemen kannst du zu einer Beratungsstelle gehen. Auf der Rückseite von diesem Kalender findest du einen Kontakt in deiner Nähe.

Những điều quan trọng cần biết:
Wichtig zu wissen:

Ghi chép công việc của bạn
Dokumentiere deine Arbeit

Quyền lao động áp dụng cho tất cả mọi người. Nhưng khi có tranh chấp với sếp, bạn phải chứng minh mình đúng. Vì vậy, hãy ghi lại thời gian làm việc của bạn. Điều này có nghĩa là: Ghi lại giờ làm việc mỗi ngày (kể cả khi công ty có chấm công điện tử) Giữ bằng chứng, ví dụ: Email, tin nhắn WhatsApp từ sếp, Ảnh chụp nơi làm việc, Quần áo làm việc, Hóa đơn, Bảng lương, Phiếu lương.

Arbeitsrechte gelten für alle Menschen. Aber bei einem Streit mit der Chefin musst du zeigen, dass du Recht hast. Dazu musst du deine Arbeit dokumentieren. Das heißt: Schreibe immer deine Arbeitszeiten auf (auch wenn deine Firma die Arbeitszeit elektronisch registriert). Sammele Beweise, zum Beispiel: Emails und WhatsApp Nachrichten vom Chef, Fotos vom Arbeitsort, Arbeitskleidung, Quittungen, Lohnzettel.

Hợp tác với đồng nghiệp
Tu dich mit Kolleginnen zusammen

Đồng nghiệp có thể giúp đỡ lẫn nhau. Khi đi chung sẽ tương trợ nhau tốt hơn. Đồng nghiệp cũng có thể làm nhân chứng. Nếu bạn phải nói chuyện với sếp, hãy rủ một đồng nghiệp đi cùng.

Kolleginnen und Kollegen können sich gegenseitig helfen. Gemeinsam sind wir stärker. Die Kollegen sind auch Zeugen. Du musst mit der Chefin sprechen? Wenn es geht, nimm eine Kollegin mit zum Gespräch.

Đừng để bị đe dọa
Lass dich nicht einschüchtern

Đừng ký bất cứ giấy tờ nào bạn không hiểu.Đừng ký nếu bạn không muốn. Bạn có quyền nói: “Không, tôi cần thêm thời gian.”

Unterschreibe nichts, was du nicht verstehst. Unterschreibe nichts, was du nicht unterschreiben möchtest. Du kannst sagen: „Nein, ich brauche etwas Zeit.“

Nếu sếp đe dọa hoặc đánh bạn? Hoặc ép bạn làm việc?
Dein Chef bedroht dich? Er schlägt dich? Oder er zwingt dich zu arbeiten?

Họ không được phép! Nếu chuyện đó xảy ra, hãy đến trung tâm tư vấn. Bạn không cần nói tên thật. Chúng tôi sẽ cùng bạn tìm cách giải quyết.

Das darf er nicht! Geh zu einer Beratungsstelle. Dort musst du auch nicht deinen Namen sagen. Wir suchen zusammen nach einer Lösung.

Hãy tìm sự hỗ trợ từ trung tâm tư vấn hoặc công đoàn
Hol dir Unterstützung bei einer Beratungsstelle oder einer Gewerkschaft

Bạn muốn hỏi về quyền lao động của mình? Hoặc cần được giúp đỡ để đòi lại quyền lợi? Trung tâm tư vấn có thể giúp bạn: Giải thích về quyền lợi của bạn. Hướng dẫn các bước tiếp theo. Bạn không cần nói tên thật. Hoàn toàn miễn phí.

Ở nơi làm việc của bạn có thể có ban đại diện người lao động. Đó là những đồng nghiệp trong công ty. Họ có nhiệm vụ giám sát và bảo đảm sếp tuân thủ luật lệ.

Bạn cũng có thể tìm đến công đoàn. Đây là tổ chức dành cho người lao động. Bạn cần đăng ký làm thành viên. Sau đó, bạn sẽ được hỗ trợ, ví dụ: Tư vấn pháp lý, hỗ trợ tại tòa án.

Du hast Fragen zu deinen Arbeitsrechten? Oder du möchtest Hilfe, um deine Rechte zu bekommen? Eine Beratungsstelle kann dir helfen. Die Beraterinnen geben dir Informationen und unterstützen dich bei weiteren Schritten. Du kannst anonym bleiben. Die Beratung kostet kein Geld.

Vielleicht gibt es auf deiner Arbeit auch einen Betriebsrat. Das ist eine Gruppe von Kollegen im Betrieb. Sie passen auf, dass die Chefin alle Regeln beachtet.

Du kannst auch zu einer Gewerkschaft gehen. Das ist eine Organisation für Arbeitnehmer. Dort musst du Mitglied sein. Dann bekommst du Unterstützung, zum Beispiel auch bei Gericht.

Quyền lợi lao động của bạn:
Deine Arbeitsrechte:

An toàn lao động
Arbeitsschutz

Bạn phải được đảm bảo an toàn trong quá trình làm việc. Vì vậy, có những quy định bảo vệ người lao động. Ví dụ: trên công trường xây dựng, công nhân phải đội mũ bảo hiểm. Trong ngành vệ sinh, phải đeo găng tay bảo hộ. Sếp phải chi trả chi phí cho quần áo bảo hộ.

Du sollst bei der Arbeit gesund bleiben. Deswegen gibt es Regeln für den Schutz der Arbeitnehmer. Zum Beispiel: Auf einer Baustelle tragen die Bauarbeiter einen Helm. In der Reinigung gibt es Schutzhandschuhe. Die Chefin muss die Schutzkleidung bezahlen.

Hợp đồng lao động – có thể thỏa thuận miệng
Arbeitsvertrag – geht auch mündlich

Hợp đồng lao động có thể ở dạng văn bản (trên giấy tờ, có chữ ký) hoặc thỏa thuận miệng (qua nói chuyện, không có giấy tờ). Hợp đồng bằng văn bản chắc chắn hơn. Nhưng ngay cả khi chỉ có thỏa thuận miệng, bạn vẫn có quyền lợi của người lao động. Sếp phải cung cấp cho bạn một văn bản có chữ ký với tất cả các điều kiện làm việc. Bạn nên có văn bản này khi bắt đầu làm việc.

Ein Arbeitsvertrag kann schriftlich sein (auf Papier, mit Unterschriften) oder er kann mündlich sein (gesprochen, ohne Papier). Ein schriftlicher Vertrag ist besser. Aber auch mit einem mündlichen Vertrag hast du Arbeitsrechte. Die Chefin muss Dir ein unterschriebenes Papier mit allen Arbeitsbedingungen geben. Du solltest das Papier haben, wenn du die Arbeit anfängst.

Thời gian làm việc
Arbeitszeit

Thông thường, bạn không được phép làm việc hơn 10h/ngày. Nếu bạn làm việc hơn 6h/ngày, bạn phải được nghỉ giải lao. Đây là nghĩa vụ và sếp không được cấm bạn làm điều đó.

Nếu làm thêm, bạn sẽ được trả tiền hoặc được nghỉ bù. Vì vậy, bạn nên ghi chép lại số giờ làm thêm của mình.

Mehr als zehn Stunden am Tag zu arbeiten ist normalerweise nicht erlaubt. Wenn du mehr als sechs Stunden am Tag arbeitest, musst du Pausen machen. Das ist Pflicht und der Chef darf es nicht verbieten.

Für Überstunden gibt es entweder Geld oder Freizeit. Deswegen solltest du die Überstunden immer aufschreiben.

Đau ốm
Krankheit

- Nếu ốm, bạn phải thông báo ngay cho sếp.
- Nếu ốm trong thời gian dài, bạn cần có giấy xác nhận của bác sĩ. Tốt nhất ngay từ ngày đầu tiên bị ốm. Hãy xem lại hợp đồng của bạn.
- Bác sĩ của bạn sẽ thông báo cho hãng bảo hiểm. Sếp của bạn sẽ lấy giấy xác nhận từ hãng bảo hiểm. Bạn phải thông báo cho sếp biết bạn sẽ nghỉ ốm trong bao lâu.
- Khi ốm, bạn vẫn tiếp tục được trả lương: Sếp sẽ trả lương bình thường cho bạn trong sáu tuần. Sau đó, bảo hiểm y tế sẽ trả tiền đau ốm.

- Wenn du krank bist, musst du der Chefin sofort Bescheid sagen.
- Wenn du länger krank bist, brauchst du eine Krankschreibung vom Arzt. Manchmal auch schon ab dem ersten Krankheitstag. Schaue in deinem Vertrag nach.
- Dein Arzt informiert die Krankenversicherung. Deine Chefin holt sich die Krankschreibung von der Krankenversicherung. Du musst die Chefin informieren, wie lange du krankgeschrieben bist.
- Wenn du krank bist, bekommst du weiter Geld: Sechs Wochen bezahlt die Chefin deinen normalen Lohn. Danach bezahlt die Krankenkasse ein Krankengeld.

Thôi việc
Kündigung

Thôi việc có nghĩa là: Một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng. Việc chấm dứt hợp đồng phải được thực hiện bằng văn bản và có chữ ký. Ngay cả khi đó là thỏa thuận miệng!

Việc chấm dứt hợp đồng phải có thời hạn. Thời hạn chấm dứt hợp đồng là khoảng thời gian từ khi thông báo chấm dứt hợp đồng đến khi chính thức kết thúc công việc. Thời hạn chấm dứt hợp đồng thường là bốn tuần hoặc lâu hơn. Trong khoảng thời gian này, bạn tiếp tục làm việc và nhận lương.

Eine Kündigung heißt: Eine Person möchte den Vertrag beenden. Eine Kündigung muss immer schriftlich sein, mit Unterschrift. Auch wenn es ein mündlicher Vertrag ist!

Es gibt eine Kündigungsfrist. Die Kündigungsfrist ist die Zeit zwischen der Kündigung und dem Ende der Arbeit. Die Kündigungsfrist ist normalerweise vier Wochen oder länger. In dieser Zeit arbeitest du weiter und bekommst deinen Lohn.

Lương
Lohn/Gehalt

Mức lương tối thiểu: 13,90 euro/giờ vào năm 2026. Mức lương tối thiểu có thể tăng – hãy tra cứu trên Internet để biết mức lương tối thiểu hiện tại. Trong một số ngành, mức lương tối thiểu cao hơn, ví dụ như trong ngành vệ sinh. Tìm hiểu thêm tại đây:
www.wsi.de/de/mindestloehne-in-deutschland-15302.htm

Đôi khi, sếp giữ lại một phần lương để trả tiền nhà ở hoặc ăn uống. Tuy nhiên không được trừ quá nhiều tiền. Nếu có thắc mắc, hãy liên hệ với trung tâm tư vấn.

Es gibt einen Mindestlohn: 13,90 € brutto pro Stunde in 2026. Der Mindestlohn wird manchmal erhöht – schau im Internet nach dem aktuellen Mindestlohn. In manchen Branchen gibt es höhere Mindestlöhne, z. B. in der Gebäudereinigung. Informationen dazu gibt es hier: www.wsi.de/de/mindestloehne-in-deutschland-15302.htm

Manchmal behält der Chef einen Teil vom Lohn für Wohnung oder Essen. Er darf nicht zu viel Geld nehmen. Bei Fragen hilft eine Beratungsstelle.

Tai nạn
Unfall

Nếu bạn gặp tai nạn tại nơi làm việc hoặc trên đường đi làm, hãy gọi bác sĩ ngay lập tức. Hãy nói rằng đó là tai nạn lao động. Có những bác sĩ chuyên về tai nạn lao động. (Họ được gọi là „Durchgangsarzt“ hoặc „D-Arzt“). Chỉ họ mới có thể xác định đó là tai nạn lao động. Điều này rất quan trọng đối với bảo hiểm.

Wenn du auf der Arbeit oder auf dem Arbeitsweg einen Unfall hast, rufe sofort einen Arzt. Sag, dass es ein Arbeitsunfall war. Es gibt Ärzte für Arbeitsunfälle. (Sie heißen: „Durchgangsarzt“ oder „D-Arzt“.) Nur sie können sagen, dass es ein Arbeitsunfall ist. Das ist wichtig für die Versicherung.

Nghỉ phép
Urlaub

Ở Đức, tất cả người lao động đều có ít nhất bốn tuần nghỉ phép. Bạn chỉ cần xin nghỉ nếu đó là ngày làm việc của bạn. Vào những ngày bạn không làm việc – ví dụ như Chủ nhật – bạn không cần phải nghỉ phép. Trong thời gian nghỉ phép, bạn vẫn được trả lương.

In Deutschland haben alle Arbeitnehmerinnen mindestens vier Wochen Urlaub. Du musst nur Urlaub für Arbeitstage nehmen. An Tagen, an denen du nicht arbeitest – z. B. am Sonntag – brauchst du keinen Urlaub zu nehmen. Im Urlaub bekommst du weiter deinen Lohn.

Yêu cầu thanh toán tiền lương
Geltendmachung von Ansprüchen

Tôi phải làm gì nếu không nhận được tiền lương?
Was mache ich, wenn ich mein Geld nicht bekomme?

Bạn có thể yêu cầu sếp thanh toán lương. Bạn phải viết bằng văn bản. Văn bản này được gọi là „Geltendmachung – Yêu cầu thanh toán“. Điều quan trọng là bạn phải ghi lại số giờ làm việc của mình. Như thế bạn mới tính được số tiền chủ cần trả. Bạn ghi số tiền này vào thư yêu cầu thanh toán. Bạn có thể tự viết thư này mà không cần luật sư. Nếu có thắc mắc, vui lòng đến trung tâm tư vấn để được giúp đỡ. Xem trang 20 có mẫu văn bản yêu cầu thanh toán.

Du kannst deinen Lohn vom Chef fordern. Das musst du schriftlich machen, also in einem Brief. Dieser Brief heißt: „Geltendmachung“. Dafür ist es sehr wichtig, dass du deine Arbeitsstunden aufgeschrieben hast. So kannst du ausrechnen, wie viel Geld du bekommen musst. Das schreibst du in die Geltendmachung. Du kannst diesen Brief selbst schreiben, du brauchst keinen Anwalt. Wenn du Fragen hast, hilft dir eine Beratungsstelle. Auf Seite 20 findest du ein Beispiel für eine Geltendmachung.

Ghi lại số giờ làm việc của bạn – Ví dụ ở trang 24
Schreib deine Arbeitsstunden auf – Beispiel auf Seite 24

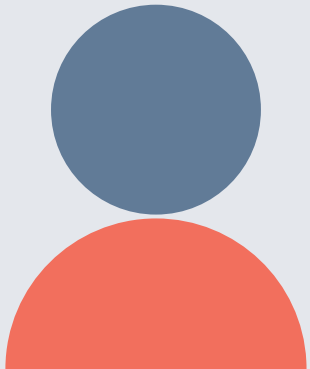

A., Nguyễn
TÊN, HỌ

Hauptstraße 1
ĐƯỜNG, SỐ NHÀ

1234 Tên thành phố
MÃ BƯU CHÍNH, THÀNH PHỐ

Khách sạn Plaza
TÊN CÔNG TY

Marius Mauer
TÊN, HỌ CHỦ LAO ĐỘNG

Pacelliplatz 3
ĐƯỜNG, SỐ NHÀ

23456 Thành phố quận
MÃ BƯU CHÍNH, THÀNH PHỐ

Yêu cầu tiền lương cho tháng Mai.2026
THÁNG, NĂM

Kính gửi ông/bà,

Rất tiếc là đến nay ông/bà vẫn chưa thanh toán tiền lương tháng 05.2026 (THÁNG, NĂM) cho tôi.

Trong tháng 05.2026 (THÁNG, NĂM), tôi đã làm tổng cộng 120 (SỐ LƯỢNG) giờ. Với mức lương theo giờ là 15 (SỐ TIỀN) € trước thuế, tôi có quyền nhận lương hàng tháng là 1800 (SỐ TIỀN) €.

Số giờ làm việc của tôi như sau:

1) 05.05., 8:00-17:00, 9 giờ.
DANH SÁCH CHI TIẾT SỐ GIỜ LÀM VIỆC

Tôi đề nghị ông/bà chuyển số tiền này vào tài khoản của tôi trước ngày 16.06.2026 (NGÀY, THÁNG, NĂM).

Nếu ông/bà không thực hiện việc trả lương trong thời hạn này, tôi sẽ thực hiện các bước pháp lý tiếp theo để đòi lại quyền lợi của mình.

Trân trọng,

M. Muster
TÊN, HỌ, CHỮ KÝ

Berlin, 01.06.2026
THÀNH PHỐ NGÀY, THÁNG, NĂM

.....
VORNAME, NACHNAME

.....
STRASSE, HAUSNUMMER

.....
POSTLEITZAHL, STADT

.....
FIRMENNAME

.....
VORNAME, NACHNAME, ARBEITGEBER/IN

.....
STRASSE, HAUSNUMMER

.....
POSTLEITZAHL, STADT

Arbeitslohnforderung für .....
MONAT, JAHR

Sehr geehrte Damen und Herren,

leider haben Sie bis heute meinen Lohn für ..... nicht bezahlt.
MONAT, JAHR

Im ..... habe ich insgesamt ..... Stunden gearbeitet. Bei einem
MONAT, JAHR ANZAHL

Stundensatz von € ..... Brutto habe ich einen monatlichen Lohnanspruch
BETRAG

von € .....
BETRAG.

Meine Stundenzahl ergibt sich wie folgt:

.....
DETAILLIERTE AUFSTELLUNG DER GEARBEITETEN STUNDEN

Ich bitte Sie um die Überweisung dieses Betrages auf mein

Ihnen bekanntes Konto spätestens bis zum .....
TAG, MONAT, JAHR.

Sollten Sie innerhalb dieser Frist untätig bleiben,

werde ich meine Lohnansprüche gerichtlich geltend machen.

Mit freundlichen Grüßen

.....
VORNAME, NAME, UNTERSCHRIFT

..... den .....
STADT, TAG, MONAT, JAHR

Tháng: Monat:

Năm: Jahr:

Bảng thời gian làm việc
Tabelle Arbeitszeit

	Ngày Datum	**Bắt đầu** Beginn	**Kết thúc** Ende	**Giờ nghỉ** Pausen	**Thời gian làm việc** Arbeitszeit	**Nơi làm việc** Arbeitsort	**Công việc** Tätigkeit	**Tiền nhận được** Geld erhalten	**Có nhân chứng?** Zeugen?
MO	06.06. 2026	8:00	17:00	1 x 30 min.	8:30	Hotel Plaza, Pacelliplatz 3 23456 Kreisstadt	Zimmer sauber machen		Marius Mauer Empfangschef
DI	07.06. 2026	8:00	17:00	1 x 30 min.	8:30	Hotel Plaza, Pacelliplatz 3 23456 Kreisstadt	Zimmer sauber machen		Marius Mauer Empfangschef
MI	08.06. 2026	8:00	17:00	1 x 30 min.	8:30	Hotel Plaza, Pacelliplatz 3 23456 Kreisstadt	Zimmer sauber machen	225,42 Euro in bar am 9. August von Herrn Z. (Y. war dabei)	Marius Mauer Empfangschef
DO									
FR									
SA									
SO									
	Tổng số giờ: Gesamtstunden:				25:30				

Đây là một ví dụ về cách bạn ghi lại thời gian làm việc của mình.
Dies ist ein Beispiel. So kannst du deine Arbeitszeit aufschreiben.

Tháng: Monat:

Năm: Jahr:

Bảng thời gian làm việc
Tabelle Arbeitszeit

	Ngày Datum	**Bắt đầu** Beginn	**Kết thúc** Ende	**Giờ nghỉ** Pausen	**Thời gian làm việc** Arbeitszeit	**Nơi làm việc** Arbeitsort	**Công việc** Tätigkeit	**Tiền nhận được** Geld erhalten	**Có nhân chứng?** Zeugen?
MO									
DI									
MI									
DO									
FR									
SA									
SO									

Tổng số giờ:
Gesamtstunden:

Sao chép lại trang này. Nhớ giữ lại tất cả các danh sách!

Kopiere diese Seite oder zeichne sie ab. Heb alle Listen auf!

Arbeit und Leben
BERLIN-BRANDENBURG

BEMA
Berliner Beratungszentrum für Migration und Gute Arbeit

DGB

Berliner Beratungszentrum für Migration und Gute Arbeit BEMA
Arbeit und Leben Berlin-Brandenburg gGmbH
Lorenzweg 5, 12099 Berlin

E-Mail: migration@berlin.arbeitundleben.de
Web: www.bema.berlin

Das BEMA wird gefördert von der Berliner Senatsverwaltung für Arbeit, Soziales, Gleichstellung, Integration, Vielfalt und Antidiskriminierung. Träger ist Arbeit und Leben Berlin-Brandenburg gGmbH

KOMPETENZ-NETZWERK VIETNAM

Die Übersetzung wurde erstellt von unserem Kooperationspartner „Kompetenznetzwerk Vietnam“.

Das Projekt wird aus Mitteln der Europäischen Union (Asyl-, Migrations- und Integrationsfond AMIF) und von der Beauftragten des Senats für Partizipation, Integration und Migration aus Mitteln der Senatsverwaltung für Arbeit, Soziales, Gleichstellung, Integration, Vielfalt und Antidiskriminierung gefördert.

Senatsverwaltung
für Arbeit, Soziales, Gleichstellung, Integration,
Vielfalt und Antidiskriminierung

BERLIN